TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **250**/2026/DS-PT
Ngày: 20/5/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Thẩm phán:Bà Nguyễn Diệu Hiền

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2025/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh T

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Quốc H, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2025)

- *Bị đơn:* Ông Trần Lùng A, sinh năm 1970

Bà Lưu Xuân Đ, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn H1

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Trần Lùng A.

(Ông Lùng A có mặt, ông H, bà Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Lùng A trình bày:*

Vợ chồng ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản của H2 kinh doanh Tân Quang M sử dụng. Hợp đồng các bên tiến hành ký hợp đồng vào ngày 31/01/2022. Tính đến nay vợ chồng ông Lùng A, bà Đ còn nợ gốc số tiền 62.649.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tạm tính từ ngày 27/11/2022 đến ngày 27/8/2024 với số tiền là 10.919.000 đồng, tổng cổng gốc và lãi là 73.856.000 đồng. Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 73.856.000 đồng, và yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán sau ngày 27/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất tương đương 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xác định, ông H1 mua hàng 02 lần: vào ngày 12/11/2022 chiết khấu 3.856.000 đồng và ngày 16/11/2022 chiết khấu 5.784.000 đồng, tổng cộng số tiền chiết khấu là 9.640.000 đồng. Do đã được ghi chung trong sổ tay theo dõi mua hàng của bên ông Lùng A, bên ông H1 đã tất toán xong nợ gốc mua hàng là 7.000.000 đồng vào ngày 26/11/2025. Số tiền còn lại 2.640.000 đồng bên đại lý xem xét trừ tiền chiếc khấu cho ông H1, không yêu cầu ông H1 hay vợ chồng ông Lùng A, bà Đ phải thanh toán số tiền này nên chỉ yêu cầu bị đơn số tiền là 60.009.000 đồng, đồng ý rút yêu cầu số tiền là 2.640.000 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lùng A, bà Đ phải thanh toán tiền lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm 14/10/2025 là khoảng thời gian 33 tháng 14 ngày với số tiền là 16.934.540 đồng nhưng thực tế chỉ yêu cầu là 33 tháng với số tiền là 16.436.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện lãi suất chậm thanh toán từ ngày 26/11/2022 đến ngày 30/12/2022 tương đương số tiền là 498.540 đồng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Lùng A, bà Đ thì đại diện nguyên đơn có ý kiến như sau:

+ Đối với yêu cầu khấu trừ đầu bao chêch lệch thức ăn thỏa thuận 640.000 đồng, nhưng thực tế bán là 880.000 đồng/bao là chênh lệch 240.000 đồng/bao x

170 bao tính từ ngày 20/03/2021 đến ngày 09/9/2022 là 42.000.000 đồng - 32.541.000 đồng = 9.459.000 đồng. Yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn thanh toán số tiền chênh lệch đầu bao chiếc khấu tổng số tiền 9.459.000 đồng là bên đại lý không đồng ý. Do từ thời gian ngày 01/4/2021 đến ngày 09/09/2022 vợ chồng ông Lùng A mua tổng cộng 90,5 bao nhưng đến khi vợ chồng ông Lùng A thanh toán nợ số tiền 40.000.000 đồng thì nguyên đơn vẫn có trừ chiếc khấu cho bị đơn là 58 bao (thanh toán nợ đến đâu thì được trừ chiếc khấu đến đó). Còn lại 32,5 bao với tổng số tiền chiếc khấu 7.800.000 đồng không thể trừ tiền chiếc khấu cho bị đơn do bị đơn còn nợ tiền hàng của đại lý, vi phạm nghĩa vụ thanh toán công nợ, không tất toán công nợ đầy đủ cho đại lý theo thoả thuận của hợp đồng nên số tiền công nợ còn thiếu chưa thanh toán khi có tranh chấp sẽ không được trừ tiền triết khấu đầu bao.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tôm chết 56.000.000 đồng nguyên đơn không đồng ý. Do theo hợp đồng bên đại lý và bên vợ chồng ông Lùng A, bà Đ thoả thuận bán thức ăn thuốc thủy hải sản và phía vợ chồng ông Lùng A phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm tiền hàng đã mua, thời hạn thanh toán là cuối vụ thu tôm. Tuy nhiên đến cuối vụ thu tôm phía bị đơn cũng chưa thực hiện thanh toán đầy đủ dứt điểm công nợ mà chỉ thanh toán một phần. Khi đại lý nhắc nợ nhiều lần đến vợ chồng ông Lùng A phải tất toán đủ thì bị đơn cũng không chịu trả, mà xuất tiền mặt ra mua một số bao thức ăn (tức là mua bao nào thì đưa trả bao đó nên không có ghi vào sổ theo dõi). Sau đó do bên bị đơn không mua hàng bên đại lý nữa nên thiệt hại tôm bị chết thì nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M không có nghĩa vụ chịu trách nhiệm bồi thường cho bị đơn.

- Bị đơn ông Trần Lùng A có đơn phản tố trình bày:

Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua thức ăn chỉ còn nợ gốc là 60.009.000 đồng, nợ lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tạm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày đến ngày xét xử với số tiền thực tế chỉ yêu cầu là 16.436.000 đồng. Bị đơn phản tố yêu cầu buộc nguyên đơn như sau:

1. Yêu cầu nguyên đơn phải khấu trừ giá chênh lệch bao thức ăn theo thỏa thuận ban đầu là 640.000đ/01 bao, khấu trừ như sau:

Giá bao thức ăn (nguyên đơn ghi và tính) là 880.000 đồng; giá bao thức ăn (đã thỏa thuận là 640.000 đồng) bằng 880.000 đồng - 640.000 đồng là 240.000 đồng/01 bao x 175 bao, trong đó 161 bao lớn 20kg + 28 bao nhỏ loại 10kg (tương đương với 14 bao lớn loại 20kg) tính từ thời điểm ngày 20/3/2021 đến ngày 09/9/2022. Số tiền

được tính như sau: 42.000.000 đồng - 32.541.000 đồng = 9.459.000 đồng. Như vậy, buộc nguyên đơn hoàn trả lại số tiền trên lệch bao thức ăn là 9.459.000 đồng.

2. Yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại vi phạm hợp đồng cho bị đơn từ việc ngừng cung cấp thức ăn tôm khiến tôm bị chết đói, cụ thể:

+ Tôm thẻ hàng 200 con/1kg, 130 thiên (tương đương 650kg) đã khấu trừ hao hụt, giá thời điểm hiện nay là 40.000 đồng/01kg x 650kg = 26.000.000 đồng.

+ Tôm càng hàng 60 con/1kg, 80 thiên (tương đương 600kg) đã khấu trừ hao hụt, giá thời điểm hiện nay là 50.000 đồng/01kg x 600kg = 30.000.000 đồng.

Buộc phía nguyên đơn phải bồi thường tôm tổng cộng là 56.000.000 đồng; tổng giá trị phản tố chiết khấu đầu bao thức ăn tôm và thiệt hại tôm là 56.000.000 đồng + 9.459.000 đồng = 65.459.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền còn thiếu là 76.445.000 đồng (trong đó nợ gốc thức ăn là 60.009.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 16.436.000 đồng).

Kể từ ngày hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về số tiền 2.640.000 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày 30/12/2022 tương đương số tiền là 498.540 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

4. Không chấp nhận yêu cầu khấu trừ chiếc khấu và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản của bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ đối với hộ kinh doanh T về tổng số tiền 65.459.000 đồng (trong đó tiền trừ chiếc khấu 9.459.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại tôm là 56.000.000 đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 29 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Trần Lùng A kháng cáo với nội dung:

Không chấp nhận tính nợ theo sổ ghi theo dõi của nguyên đơn giữ và cung cấp cho Toà án mà công nhận tính nợ theo sổ ghi chép do ông giữ và cung cấp cho Toà án để đảm bảo khách quan, công bằng.

Yêu cầu khấu trừ chiết khấu đầu bao thức ăn, buộc nguyên đơn hoàn trả cho ông số tiền chênh lệch là 9.459.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo đơn phản tố ngày 20/02/2025.

Yêu cầu Toà án buộc nguyên đơn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, không cung cấp thức ăn khiến tôm bị chết số tiền là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) theo đơn phản tố ngày 20/02/2025.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo - Bị đơn ông Trần Lùng A trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không bổ sung thêm chứng cứ mới. Ông Lùng A yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông. Buộc nguyên đơn phải tính chiết khấu đầu bao thức ăn tôm là 9.459.000đ và bồi thường thiệt hại do tôm chết không có thức ăn là 56.000.000đ, tổng cộng là 65.459.000 đồng. Tính tổng số nợ bị đơn nợ mua hàng của nguyên đơn là 74.461.000 đồng, đã trả khoản 40.000.000đ, còn nợ khoản 30.000.000đ. Nếu khấu trừ chiết khấu đầu bao thức ăn và thiệt hại do tôm chết thì nguyên đơn còn trả lại bị đơn khoản 9.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông H có ý kiến không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lùng A, yêu cầu Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Lùng A xét thấy việc mua bán thức ăn, thuốc thủy sản giữa nguyên đơn và bị đơn có lập hợp đồng, có lập sổ tay theo dõi mua bán hàng cho hai bên. Ông Lùng A cho rằng trong sổ tay theo dõi của ông nợ ít hơn sổ theo dõi của nguyên đơn. Theo nguyên đơn xác định chêch lệch nợ mua hàng giữa hai sổ theo dõi là do có lúc mua hàng ông Lùng A không mang sổ theo nên ghi sổ của bên bán và có ký nhận của ông Lùng A. Ông Lùng A không phản đối về chữ ký xác nhận nợ trong sổ theo dõi của nguyên đơn, có ghi thời gian cụ thể đến 26/11/2022 nợ 62.649.000đ. Do đó trình bày của ông Lùng A là không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo tính chiết khấu 4 loại mức giá số tiền 44.817.000 đ, căn cứ hợp đồng ngày 31/01/2022 không thỏa thuận cụ thể mức

chiết khấu. Ngoài ra trong hợp đồng cũng thỏa thuận điều kiện không được chiết khấu khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên không có cơ sở xem xét chiết khấu theo kháng cáo của bị đơn.

Về yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do tôm chết không có cơ sở xem xét do ông Lùng A không có chứng cứ chứng minh.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lùng A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa. Bị đơn bà Lưu Xuân Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Đại diện nguyên đơn ông Bùi Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Lùng A thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 31/01/2022 ký hợp đồng mua bán, quá trình thực hiện hợp đồng có lập sổ theo dõi mua bán hàng hóa. Sổ theo dõi mua bán hàng của nguyên đơn giữ có ký tên của bị đơn bên mua hàng theo từng mốc thời gian chốt nợ giữa bên bán và bên mua (BL 04 -15), đến ngày 12/11/2022 là 64.749.000đ. Sổ theo dõi mua hàng do bị đơn là bên mua cung cấp (BL 60 -70) đến 01/11/2022 không đối chiếu cụ thể rõ ràng về số nợ. Do vậy bản án sơ thẩm căn cứ vào sổ theo dõi mua bán hàng do nguyên đơn cung cấp để xác định chứng cứ là có cơ sở theo quy định pháp luật.

Về việc tính chiết khấu mua hàng trên số lượng đầu bao thức ăn tôm. Căn cứ Hợp đồng mua bán ngày 31/01/2022 (BL 19 - 21) về thỏa thuận mua bán hàng. Tại mục 4.1.7 (Bl 20) quy định về việc không trừ chiết khấu cho bên mua (nếu có) khi bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do vậy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố tính chiết khấu mua hàng là có căn cứ.

Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tôm chết: Bị đơn ông L anh không có căn cứ chứng minh hợp pháp về nguyên nhân tôm chết, lỗi của nguyên đơn khi không bán thức ăn tôm cho bị đơn hoặc cam kết của nguyên đơn đảm bảo cung ứng thức ăn nuôi tôm với bị đơn. Do vậy yêu cầu của bị đơn về bồi thường thiệt hại do tôm chết cũng không có căn cứ chấp nhận.

Trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Lùng A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Lùng A phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Trần Lùng A đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 khoản 2 Điều 468, Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Lùng A.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 136/2025/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng với bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền mua hàng còn nợ là 76.445.000 đồng (trong đó nợ gốc thức ăn tôm là 60.009.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 16.436.000 đồng).

Kể từ ngày hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về số tiền 2.640.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày 30/12/2022 tương đương số tiền là 498.540 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khấu trừ chiết khấu và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản của bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ đối với hộ kinh doanh T về tổng số tiền 65.459.000 đồng (trong đó tiền trừ chiết khấu 9.459.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại tôm chết là 56.000.000 đồng)

4. Án phí

- Án phí sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.095.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.637.000 đồng theo biên lai thu số 0002580 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6, tỉnh An Giang). Bị đơn ông Trần Lùng A, bà Lưu Xuân Đ còn phải nộp thêm 5.458.000đ (Năm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.846.400đ (Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu số 0002380 ngày 15/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6, tỉnh An Giang).

- Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Lùng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007588 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 6 – An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Hường